

Bản án số: **139/2021/DS-ST**

Ngày: 29/9/2021

V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Phạm Tiến Lợi

- Bà Nguyễn Thị Liên

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đức Hùng - Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Gia Ánh - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 177/2020/TLST-DS ngày 19/10/2020 về tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2021/QĐXXST-DS ngày 24/3/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2021/QĐST-DS ngày 25/9/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần QT, địa chỉ: Tầng 1 (tầng trệt) và Tầng 2 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Hàn Ngọc Vũ, chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trần Thị Thu Hà, chức vụ: Giám đốc Trung tâm Quản lý nợ Khách hàng cá nhân, Khối Quản trị rủi ro

Ngân hàng thương mại cổ phần Q (Văn bản ủy quyền số 3.0141.17 ngày 16/01/2017).

Người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn: Ông Lê Thanh Bình, ông Lê Sỹ Tâm và bà Vũ Thị Thùy - đều là cán bộ Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam (Văn bản ủy quyền số 76972.21 ngày 21/9/2021). Có mặt ông Lê Thanh Bình và bà Vũ Thị Thùy.

- Bị đơn:

1. Ông **Nguyễn Bá N**, sinh năm 1971
2. Bà **Trịnh Thị H**, sinh năm 1974 (là vợ của ông Nguyễn Bá Nghĩa)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Bá Tuấn, sinh năm 1994 (con ông Nghĩa, bà Hường)
2. Anh Nguyễn Bá Phụng, sinh năm 2003 (con ông Nghĩa, bà Hường).
3. Cháu Nguyễn Thị Thu, sinh năm 2018 (con ông Nghĩa, bà Hường)

Cùng có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Đội 14, xóm Việt An, xã Tân Tiến, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trịnh Thị Hường, anh Nguyễn Bá Tuấn, anh Nguyễn Bá Phụng, đồng thời là đại diện hợp pháp của cháu Nguyễn Thị Thu: Ông Nguyễn Bá Nghĩa, sinh năm 1971; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Đội 14, xóm Việt An, xã Tân Tiến, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội (Văn bản ủy quyền ngày 04/01/2021). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngày 16/6/2010, Ngân hàng thương mại cổ phần QT, Chi nhánh Hà Đông, Phòng giao dịch Nguyễn Huệ (sau đây gọi tắt Ngân hàng thương mại cổ phần QT Việt Nam là Ngân hàng) ký kết “*Hợp đồng tín dụng*” số 091/HĐTD1-VIB038/10 cho vợ chồng ông Nguyễn Bá N, bà Trịnh Thị H (sau đây gọi tắt là vợ chồng ông N) vay 700.000.000 đồng để bổ sung vốn mua sắm trang thiết bị gia đình; thời hạn vay 60 tháng; lãi suất 17,8%/năm và được điều chỉnh 06 tháng/01 lần bằng lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh VNĐ kỳ hạn 06 tháng + biên độ tối thiểu 5,8%/năm; tiền gốc và tiền lãi trả hàng tháng, trường hợp không trả nợ đúng hạn và không

được cơ cấu lại thời hạn trả nợ thì Ngân hàng sẽ chuyển toàn bộ số nợ gốc còn lại sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại từng thời điểm. Ngân hàng đã giải ngân cho vợ chồng ông N 700.000.000 đồng bằng “*Khế ước nhận nợ*” số 091/KUNN1-VIB038/10 ngày 18/6/2010.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay là quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền trên thửa đất số 124, tờ bản đồ số 37, diện tích 784m², địa chỉ: Xóm Còi, thôn Tân Hội, xã Tân Tiến, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội. Đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 471051 do Ủy ban nhân dân huyện Chương Mỹ cấp cho ông Nguyễn Bá N và bà Trịnh Thị H ngày 10/12/2009, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01501. Việc thế chấp thực hiện theo “*Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất*” được công chứng tại Văn phòng công chứng Hà Đông, thành phố Hà Nội số 1832/2010. Quyền số 04 TP/CC-SCC/HĐTC ngày 16/6/2010; đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Chương Mỹ ngày 17/6/2010. Phạm vi bảo đảm của tài sản thế chấp là các nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi trong hạn, phạt quá hạn trên trên nợ gốc của bên vay.

Quá trình thực hiện, vợ chồng ông N đã trả được 187.200.000 đồng tiền gốc; 169.250.384 đồng tiền lãi trong hạn; 563.505 đồng lãi quá hạn. Do vợ chồng ông N vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đã chuyển các khoản nợ sang nợ quá hạn từ ngày 05/11/2011.

Tính đến hết ngày 24/9/2021, vợ chồng ông N còn nợ Ngân hàng **2.402.536.484 đồng** (trong đó nợ gốc 512.800.000 đồng, nợ lãi trong hạn 197.952.302 đồng, nợ lãi quá hạn 1.691.784.182 đồng).

Ngân hàng yêu cầu vợ chồng ông N phải thanh toán toàn bộ số nợ nêu trên và kể từ ngày 25/9/2021 cho đến khi thanh toán xong tiền nợ gốc, vợ chồng ông N còn phải tiếp tục chịu lãi trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận. Trường hợp vợ chồng ông N không thanh toán được khoản nợ, Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ để trả các khoản nợ thì vợ chồng ông N phải có trách nhiệm tiếp tục thanh toán hết số tiền nợ còn lại.

- Ông Nguyễn Bá N trình bày: Xác nhận có việc ký kết hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để vay vốn của Ngân hàng. Tuy nhiên, vợ chồng ông chỉ ký hợp đồng tín dụng vay 150.000.000 đồng và

thực tế cũng chỉ được nhận 150.000.000 đồng. Sau khi vay đã trả được 40.000.000 đồng tiền lãi, đề nghị Ngân hàng xem xét lại việc ai đã nhận số tiền còn lại. Ông N xin trả dần số tiền gốc là 150.000.000 đồng và xin miễn toàn bộ lãi.

- Tại “Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ” ngày 16/12/2020 thể hiện:

Tài sản thế chấp hiện do gia đình ông Nguyễn Bá N, bà Trịnh Thị H đang sử dụng và quản lý, không cho ai thuê mượn hay ở nhờ. Tài sản gắn liền với đất gồm 01 nhà cấp 4 lợp mái tôn, 01 khu bếp ăn + nhà vệ sinh lợp mái tôn, 01 sân bê tông, 01 cây Mít và 01 cây Sấu. Tất cả các công trình, cây cối nêu trên đều được xây dựng và trồng năm 2018 (sau khi thế chấp). Những người đang ở trên đất gồm ông Nguyễn Bá N, bà Trịnh Thị H và 03 con là anh Nguyễn Bá Tuấn, anh Nguyễn Bá Phụng, cháu Nguyễn Thị Thu.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung ý kiến đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

- Ông Nguyễn Bá N giữ nguyên ý kiến của mình, nhưng không giao nộp thêm được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự cơ bản thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán toàn bộ nợ gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn; chấp nhận yêu cầu được đề nghị xử lý phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Vợ chồng ông N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- **Về tố tụng:** Vợ chồng ông N vay vốn của Ngân hàng để bổ sung vốn mua sắm trang thiết bị gia đình, nay tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán nên đây là tranh chấp dân sự. Căn cứ các điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội.

- Về nội dung yêu cầu của nguyên đơn:

[1]. Về yêu cầu buộc vợ chồng ông N thanh toán khoản nợ tính đến hết ngày 24/9/2021 và tiếp tục chịu tiền lãi kể từ ngày 25/9/2021:

- Đối với khoản tiền gốc và tiền lãi (lãi trong hạn và lãi quá hạn):

+ Về số tiền vay: Số tiền vay được ghi trong “*Hợp đồng tín dụng*” số 091/HĐTD1-VIB038/10 ngày 16/6/2010 và “*Khế ước nhận nợ*” số 091/KUNN1-VIB038/10 ngày 18/6/2010 là 700.000.000 đồng. Ông N thừa nhận chữ ký trong “*Hợp đồng tín dụng*” và “*Khế ước nhận nợ*” nêu trên đúng là của ông N và bà H. Ông N cho rằng chỉ ký hợp đồng vay 150.000.000 đồng và thực tế cũng chỉ được nhận 150.000.000 đồng, nhưng không có tài liệu để chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận. Căn cứ “*Hợp đồng tín dụng*” số 091/HĐTD1-VIB038/10 ngày 16/6/2010 và “*Khế ước nhận nợ*” số 091/KUNN1-VIB038/10 ngày 18/6/2010, xác định số tiền vợ chồng ông N vay của Ngân hàng là 700.000.000 đồng.

+ Về số tiền đã trả; số tiền gốc và tiền lãi chưa thanh toán:

Nguyên đơn xuất trình bản sao kê tình hình giao dịch khế ước, theo đó tính đến ngày 24/9/2021, vợ chồng ông N đã trả được 187.200.000 đồng tiền gốc, 169.250.384 đồng tiền lãi trong hạn, 563.505 đồng tiền lãi quá hạn. Theo bảng sao kê dư nợ, tính đến ngày 24/9/2021 vợ chồng ông N còn nợ 512.800.000 đồng tiền gốc, 197.952.302 đồng tiền lãi trong hạn và 1.691.784.182 đồng tiền lãi quá hạn. Ông N trình bày đã trả được 40.000.000 đồng tiền lãi, hiện còn nợ 150.000.000 đồng tiền gốc, nhưng không có chứng từ, tài liệu để chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận. Vì vậy, chấp nhận ý kiến của Ngân hàng về việc xác định số tiền vợ chồng ông N đã trả; số tiền gốc và tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn chưa thanh toán như nội dung bản sao kê tình hình giao dịch khế ước và bảng sao kê dư nợ đã xuất trình.

+ Về mức lãi suất áp dụng và nghĩa vụ thanh toán của bên vay: Thỏa thuận của các bên về áp dụng mức lãi suất từng thời điểm, nghĩa vụ thanh toán ghi trong “*Hợp đồng tín dụng*” số 091/HĐTD1-VIB038/10 ngày 16/6/2010 và “*Khế ước nhận nợ*” số 091/KUNN1-VIB038/10 ngày 18/6/2010 là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Ngân hàng xuất trình đầy đủ các quyết định về việc điều chỉnh lãi suất từng thời điểm nên chấp nhận mức lãi suất Ngân hàng áp dụng đối với khoản nợ theo các bản kê tính lãi của Ngân hàng. Vợ chồng ông N có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ cho Ngân hàng.

Với những tình tiết nêu trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, buộc vợ chồng ông N phải thanh toán trả Ngân hàng khoản nợ tính đến hết ngày 24/9/2021 là **2.402.536.484 đồng** (trong đó nợ gốc 512.800.000 đồng, nợ lãi trong hạn 197.952.302 đồng, nợ lãi quá hạn 1.691.784.182 đồng).

- *Đối với yêu cầu buộc phải tiếp tục chịu lãi kể từ ngày 25/9/2021:*

Theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2005, Luật các tổ chức tín dụng và thỏa thuận của các đương sự về nghĩa vụ chịu lãi, lãi suất trong “*Hợp đồng tín dụng*” số 091/HĐTD1-VIB038/10 ngày 16/6/2010, “*Khế ước nhận nợ*” số 091/KUNN1-VIB038/10 ngày 18/6/2010 thì yêu cầu của Ngân hàng có căn cứ chấp nhận. Do vậy, kể từ ngày 25/9/2021 cho đến khi thanh toán xong tiền nợ gốc, vợ chồng ông N còn phải tiếp tục chịu lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận trong “*Hợp đồng tín dụng*” số 091/HĐTD1-VIB038/10 ngày 16/6/2010 và “*Khế ước nhận nợ*” số 091/KUNN1-VIB038/10 ngày 18/6/2010.

[2]. Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm:

Việc ký kết “*Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất*” được công chứng tại Văn phòng công chứng Hà Đông, thành phố Hà Nội số 1832/2010. Quyền số 04 TP/CC-SCC/HĐTC ngày 16/6/2010 là hoàn toàn tự nguyện, các đương sự đều thừa nhận; nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định nên có hiệu lực pháp luật. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng đề nghị được xử lý tài sản thế chấp bảo đảm cho khoản vay trong trường hợp vợ chồng ông Nghĩa không thanh toán được khoản nợ. Phạm vi bảo đảm là toàn bộ nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn của vợ chồng ông N cho Ngân hàng.

- **Về án phí:** Vợ chồng ông N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn trả Ngân hàng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các điều 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng các điều 351, 355, 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005;
- Áp dụng Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Áp dụng Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về Giao dịch bảo đảm; Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính Phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về Giao dịch bảo đảm;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần QT đối với vợ chồng ông Nguyễn Bá N, bà Trịnh Thị H về việc buộc thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền gốc, tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn theo “*Hợp đồng tín dụng*” số 091/HĐTD1-VIB038/10 ngày 16/6/2010 và “*Khế ước nhận nợ*” số 091/KUNN1-VIB038/10 ngày 18/6/2010. Cụ thể:

1.1. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Bá N, bà Trịnh Thị H phải thanh toán trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần QT số tiền còn nợ tính đến hết ngày 24/9/2021 gồm các khoản sau:

- Tiền gốc: 512.800.000 đồng;
- Tiền lãi trong hạn 197.952.302 đồng;
- Tiền lãi quá hạn: 1.691.784.182 đồng.

Tổng cộng: **2.402.536.484 đồng** (*Hai tỷ bốn trăm linh hai triệu năm trăm ba mươi sáu nghìn bốn trăm tám mươi tư đồng*).

1.2. Kể từ ngày 25/9/2021 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc, vợ chồng ông Nguyễn Bá N, bà Trịnh Thị H còn phải tiếp tục chịu lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận trong “*Hợp đồng tín dụng*” số 091/HĐTD1-VIB038/10 ngày 16/6/2010 và “*Khế ước nhận nợ*” số 091/KUNN1-VIB038/10 ngày 18/6/2010.

2. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần QT về việc xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Cụ thể:

- Trường hợp vợ chồng ông Nguyễn Bá N, bà Trịnh Thị H không thanh toán được khoản nợ nêu trên, Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo “*Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất*” được công chứng tại Văn phòng công chứng Hà Đông, thành phố Hà Nội số 1832/2010. Quyển số 04 TP/CC-SCC/HĐTC ngày 16/6/2010.

Tài sản thế chấp được phát mại để thu hồi nợ là toàn bộ quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền trên thửa đất số 124, tờ bản đồ số 37, diện tích 784m², địa

chỉ: Xóm Còi, thôn Tân Hội, xã Tân Tiến, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội. Đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 471051 do Ủy ban nhân dân huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội cấp ngày 10/12/2009, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01501 đứng tên người sử dụng đất là ông Nguyễn Bá N và bà Trịnh Thị H

Phạm vi bảo đảm là toàn bộ nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn của vợ chồng ông Nguyễn Bá N, bà Trịnh Thị H đối với Ngân hàng thương mại cổ phần QT theo “*Hợp đồng tín dụng*” số 091/HĐTD1-VIB038/10 ngày 16/6/2010 và “*Khế ước nhận nợ*” số 091/KUNN1-VIB038/10 ngày 18/6/2010.

- Khi xử lý tài sản thế chấp thì tất cả những người đang sinh sống tại nhà, đất là tài sản thế chấp nêu trên phải di chuyển đi chỗ khác để thi hành án.

- Trường hợp sau khi phát mại tài sản thế chấp, số tiền thu được không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần QT, vợ chồng ông Nguyễn Bá N, bà Trịnh Thị H phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết số tiền còn nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần QT.

- Trường hợp số tiền thu được có giá trị lớn hơn số tiền vợ chồng ông Nguyễn Bá N, bà Trịnh Thị H phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần QT thì số tiền còn lại sau khi thanh toán khoản nợ được trả lại cho vợ chồng ông Nguyễn Bá N, bà Trịnh Thị H

- Trường hợp vợ chồng ông Nguyễn Bá N, bà Trịnh Thị H trả được toàn bộ khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần QT phải làm thủ tục giải chấp cho vợ chồng ông Nguyễn Bá N, bà Trịnh Thị H theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về án phí:

- Vợ chồng ông Nguyễn Bá N, bà Trịnh Thị H phải nộp 80.050.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm;

- Hoàn trả Ngân hàng thương mại cổ phần QT 37.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0010186

ngày 19/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Chương Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Việt Hưng